TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2017/DS-PT
Ngày 13 – 9 – 2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Bà Nguyễn Lệ Kiều

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2017/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 47/2017/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc M (Nguyễn Ngọc M), sinh ngày 18/3/1996. Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1980; bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (Văn bản ủy quyền ngày 01/11/2016). (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1960 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963 (có mặt)
2. Anh Trần Văn H, sinh năm 1978 (có mặt)
3. Chị Dương Thị L, sinh năm 1974 (vắng mặt)
4. Chị Trần Thị L, sinh năm 1982 vắng mặt)

5. Ông Sơn Tr (Ch), sinh năm 1968 (vắng mặt)
6. Anh Sơn L, sinh năm 1992 (vắng mặt)
7. Anh Sơn N, sinh năm 1994 (vắng mặt)
8. Anh Sơn B, sinh năm 1995 (vắng mặt)
9. Anh Sơn R, sinh năm 1997 (vắng mặt)
10. Chị Tô Thị T, sinh năm 1994 (vắng mặt)
11. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1971 (vắng mặt)
12. Anh Nguyễn Minh Q, sinh năm 1974 (có mặt).
13. Chị Huỳnh Ngọc N, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

14. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1980 (có mặt).
15. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1977 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

16. Anh Lê Văn H, sinh năm 1977 (vắng mặt).
17. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Văn H: Chị Nguyễn Thị T (Văn bản ủy quyền ngày 07/11/2016).

18. Anh Đoàn Hoàng D, sinh năm 1984 (vắng mặt).
19. Chị Trần Thị K, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị K: Đoàn Hoàng D (Văn bản ủy quyền ngày 26/7/2016).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

20. Ông Nguyễn Phúc V, sinh năm 1976 (vắng mặt).
21. Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1979 (vắng mặt).
22. Anh Nguyễn Chí N, sinh năm 1983 (vắng mặt).
23. Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1949 (vắng mặt).
24. Chị Nguyễn Thùy L, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

25. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện Đ: Ông Bùi Minh T- Chủ tịch UBND huyện Đ (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn G trình bày: Vào năm 2004, chị Nguyễn Thị Ngọc M là con gái ông có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Phạm Văn T phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích là 10.5 công tầm cấy với giá 18 chỉ vàng 24k/01 công tầm cấy, tổng số vàng 189 chỉ, ông là người trực tiếp giao đủ số vàng cho ông T, việc thỏa thuận sang nhượng có làm giấy tay do Nguyễn Ngọc M đứng tên. Khi chuyển nhượng không có đo đạc cụ thể mà có chỉ ranh tứ cạnh, trong đó có một cạnh mặt tiền giáp tới sông G.

Sau khi nhận đủ vàng, ông T giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do lúc đó ông không có tiền nên chỉ đăng ký được phần đất từ đầu hậu đến giáp kênh 773 với diện tích 13.050m^2 do Nguyễn Ngọc M đứng tên, tuy nhiên diện tích thực tế sử dụng là 13.604,5m^2; phần đất còn lại từ lộ Đ– A đến sông G vẫn nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T.

Phần đất đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận hiện nay chị M đã sử dụng ổn định nên không tranh chấp với ông T mà chỉ tranh chấp phần đất từ lộ xe A – Đ đến sông G có diện tích 2329,9m^2. Nguyên nhân là vào năm 2014 chị M yêu cầu ông T giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tiếp tục làm thủ tục tách giấy nhưng ông T không đồng ý, từ đó phát sinh tranh chấp. Ông yêu cầu ông T trả chị M 2.329m^2.

- Bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Văn G, bà không có ý kiến gì thêm.

- Ông Phạm Văn T trình bày: Vào năm 2004, vợ chồng ông có chuyển nhượng cho chị Nguyễn Ngọc M đứng tên trong giấy chuyển nhượng đất nhưng thực tế là ông Nguyễn Văn G đứng ra thỏa thuận chuyển nhượng phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 10.5 công tầm cấy với giá 189 chỉ vàng 24k. Việc chuyển nhượng có làm giấy tay và ông có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông G làm thủ tục sang tên và được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Ngọc M diện tích 13.050m^2 , nhưng thực tế gia đình chị M sử dụng diện tích qua đo đạc là 13.604,5m^2. Tuy nhiên diện tích đất này ông không yêu cầu gì vì khi sang hai bên thống nhất từ đầu hậu đến Kênh 773 (giáp lộ xe A – Đ) hiện nay chị M và ông Nguyễn Văn G đang canh tác, sử dụng ổn định hai bên không tranh chấp.

Đối với phần đất từ lộ xe A– Đ đến sông G có diện tích 2329,9m^2 ông không chuyển nhượng cho chị M Phần đất này thì vào năm 2002 vợ chồng ông đã sang nhượng cho ông Trần Văn H chiều ngang 20m; Năm 2010 sang nhượng cho anh Đoàn Hoàng D chiều ngang 5m (hiện nay anh D sang nhượng lại cho anh Lê Văn H), Năm 2011 chuyển nhượng cho anh Nguyễn Minh Q ngang 7m; Năm 2013 chuyển nhượng cho anh Lê Văn H ngang 01m. Việc sang nhượng là công khai nhưng chị M và ông G không ngăn cản dù đang sử dụng đất chuyển nhượng để nuôi tôm cạnh bên phần đất tranh chấp này.

Nay chị M yêu cầu ông trả phần đất diện tích 2.329.9m^2 ông không đồng ý.

- Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà thống nhất theo lời trình bày của ông Phạm Văn T.

- Ông Trần Văn H trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 14/10/2016: Vào khoảng năm 2002 vợ chồng ông có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Phạm Văn T chiều ngang giáp lộ xe A-Đ là 20 mét, chiều dài từ lộ xe đến kênh G với giá 10 chỉ vàng 24k, việc thỏa thuận sang nhượng có làm giấy tay. Sau khi sang nhượng, vợ chồng cất nhà ở từ năm 2002 đến năm 2005, sau đó cho bà Trần Thị Đ và

Trần Thị L cất nhà ở nhờ trên đất này cho đến nay nhưng cũng không ai ngăn cản, phản đối.

Hiện nay giữa chị Nguyễn Ngọc M và ông Phạm Văn T tranh chấp đất có liên quan đến phần đất của ông, ông yêu cầu được tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông T vì hiện nay ông và các em ông không còn chỗ ở nào khác.

- Anh Nguyễn Minh Q trình bày tại phiên tòa: Vào năm 2011 vợ chồng anh có nhận chuyển nhượng phần đất nền của ông T chiều ngang 7m, dài từ lộ xe đến sông G với giá 87.500.000 đồng. Vợ chồng anh có cất nhà kiên cố, vào thời điểm cất không ai ngăn cản, phản đối. Phần đất hiện nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên hộ ông Nguyễn Minh Q tại thửa 530, tờ bản đồ 09. Nay yêu cầu tiếp tục sử dụng đất, trường hợp phải trả đất thì yêu cầu ông T trả lại giá trị theo giá thị trường và bồi thường thiệt hại trị giá căn nhà là 500.000.000 đồng

- Anh Đoàn Hoàng D trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 26/7/2016: Vào năm 2010 anh có nhận chuyển nhượng phần đất của ông T chiều ngang 5m, dài từ lộ xe đến sông G H với giá 25.000.000 đồng. Việc sang nhượng là công khai tuy nhiên không ai ngăn cản. Đến năm 2013 do không có nhu cầu sử dụng nên anh chuyển nhượng lại phần đất cho anh Lê Văn H với giá 50.000.000 đồng. Nếu Tòa án giải quyết đất thuộc về ông T thì anh yêu cầu tiếp tục thực hiện các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trường hợp phải trả đất thì yêu cầu ông T trả lại tiền cho anh để anh trả lại tiền cho ông H và ông H trả đất lại đồng thời yêu cầu ông T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cụ thể phần trên lệch giá trị đất lúc chuyển nhượng với giá theo thị trường hiện nay.

- Chị Trần Thị L, Trần Thị Đ, ông Sơn Tr, chị Tô Thị T cùng trình bày tại biên bản ghi lời khai lưu trong hồ sơ vụ án: Anh chị có cất nhà ở nhờ trên phần đất của ông H nhận sang nhượng từ ông T, từ khi cất nhà ở cho đến nay phía gia đình ông G chưa lần nào đến ngăn cản, phản đối. Nay yêu cầu được tiếp tục ở trên phần đất của ông H, trường hợp phải di dời nhà thì các đương sự cũng đồng ý, tuy nhiên yêu cầu tòa án xem xét bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị T cùng trình bày tại phiên tòa: Vào ngày 19/7/2013 vợ chồng chị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của anh Đoàn Hoàng D, phần đất mà trước đây anh D nhận chuyển nhượng từ ông T và bà H chiều ngang 05m với giá là 50.000.000 đồng, việc thỏa thuận có làm giấy tay. Ngoài ra vợ chồng chị có sang nhượng của ông T phần đất 01 mét ngang giáp với phần đất sang nhượng của anh D với giá là 10.000.000 đồng, tổng diện tích đất vợ chồng chị sang nhượng là 06m, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn do ông T đứng tên. Sau khi sang nhượng vợ chồng chị có thuê xáng cuốc đắp nền nhà với số tiền là 3.000.000 đồng. Việc đắp nền là công khai tuy nhiên không ai ngăn cản.

Nay yêu cầu được tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trường hợp phải trả đất thì yêu cầu ông D trả lại 50.000.000 đồng, yêu cầu ông T trả

10.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại cụ thể là hoàn lại tiền đắp nền 3.000.000 đồng, giá chênh lệch theo giá thị trường.

- Anh Nguyễn Phúc V, chị Nguyễn Thị Hồng T, ông Nguyễn Thành Đ, chị Nguyễn Thùy L, anh Nguyễn Chí N cùng trình bày: Phần đất của anh Nguyễn Minh Q và chị Huỳnh Ngọc N có liên quan trong phần đất tranh chấp giữa chị M với ông T là của anh chị, các đương sự không có quyền lợi gì liên quan, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện Đ do ông Bùi Minh T đại diện theo pháp luật trình bày tại bản tự khai ngày 13/02/2017: Trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Minh Q tại thửa 530 tờ bản đồ số 09 là đúng theo pháp luật quy định tại thời điểm cấp giấy chứng nhận.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc M đối với ông Phạm Văn T đòi 2329,9m^2 quyền sử dụng đất có vị trí cụ thể như sau.

Hướng Đông giáp đất Phạm Văn T, cạnh dài 47m;
Hướng Tây giáp đất Nguyễn Văn S, cạnh dài 48,6m;
Hướng Nam giáp sông G, cạnh dài 48,6m;
Hướng Bắc giáp lộ A– Đ, cạnh dài 48,6m.

2. Chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, lệ phí cấp bảng vẽ trích đo phần đất tranh chấp, lệ phí phô tô hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số tiền 700.000 đồng chị Nguyễn Thị Ngọc M chịu, ông Nguyễn Văn G là người đại diện theo ủy quyền đã nộp và quyết toán xong nên không xem xét.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Thị Ngọc M chịu 41.160.000 đồng, chị Nguyễn Thị Ngọc M đã nộp tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng ngày 11/01/2016 theo biên lai thu số 0000744 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí. Chị Nguyễn Thị Ngọc M còn phải nộp tiếp 40.960.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên Tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của chị M là ông G và bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của chị M. Tuy nhiên, ông G xác định đối với phần đất tranh chấp mà gia đình anh Q, chị T, anh H đã chuyển nhượng thì không yêu cầu Tòa án tỉnh Bạc Liêu giải quyết, chỉ yêu cầu Tòa buộc ông T trả lại phần đất trống trong tổng diện tích tranh chấp 2.329.9m^2 nhưng ông không xác định được diện tích này là bao nhiêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận

kháng cáo của chị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Chị Nguyễn Thị Ngọc M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là giấy tay sang nhượng đất ngày 11/5/2004, nội dung là chị M nhận chuyển nhượng 01 phần đất diện 10,5 công tầm cấy có 01 cạnh mặt tiền giáp sông G. Ông T và bà H chỉ thừa nhận chuyển nhượng từ đầu hậu đến giáp kênh 773 (Lộ xe A– Đ), còn phần đất từ lộ (A- Đ) đến sông G không có chuyển nhượng. Thấy rằng, ông G và ông T thừa nhận tại phiên tòa phúc thẩm giấy tay sang nhượng đất ngày 11/5/2004 (bút lục 03) là do bên ông G lập và đưa cho vợ chồng ông T ký. Tại Tòa án cấp sơ thẩm ông G thừa nhận ông trực tiếp nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T để ông G tự đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị M đứng tên đối với đất chuyển nhượng của ông T.

[3] Ngày 31/5/2005, Cơ quan chuyên môn tiến hành khảo sát phần đất ông T chuyển nhượng cho chị M thể hiện vị trí tại cạnh hướng Nam giáp thửa 64 của ông T và ông có ký xác nhận, không phải giáp đất của chị M (bút lục 105).

[4] Tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 31/5/2004 giữa chị M với ông T thể hiện diện tích hai bên chuyển nhượng là 13.050m^2 và có 01 cạnh giáp thửa 66 do ông T đứng tên (bút lục 109).

[5] Ông G là người làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lẽ ra khi Cơ quan chuyên môn không khảo sát đo đạc hết diện tích đất nhận chuyển nhượng, thể hiện không đúng vị trí ranh đất là đến sông G thì ông phải yêu cầu sửa đổi, khảo sát lại, nhưng ông G không có ý kiến phản đối, đồng ý kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và gia đình chị M đã nhận đất sử dụng ổn định từ năm 2004 đến năm 2014 mới phát sinh tranh chấp với ông T.

[6] Đối chiếu diện tích đất chị M nhận chuyển nhượng từ ông T so với diện tích đất thực tế chị M đang sử dụng thì thấy rằng: ông G và ông T thống nhất xác định ông T thỏa thuận chuyển nhượng 10,5 công đất tầm cấy là 13.608m^2, chị M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 13.050m^2 và thực tế sử dụng là 13.604,5m^2 và hiện chị M, ông G, ông T không tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông G, chị M và ông T đã thực hiện xong, diện tích đất tranh chấp 2.329,9m^2 tại ấp C, xã A, huyện Đ không nằm trong hợp đồng chuyển nhượng đất giữa chị M và ông T.

[7] Mặt khác, trong đất tranh chấp có phần đất vào năm 2002 ông T đã chuyển nhượng cho ông Trần Văn H, ông H cất nhà ở trên đất từ năm 2002 đến năm 2005,

như vậy vào thời điểm ông G nhận chuyển nhượng đã có căn nhà của ông H ở trên đất, nhưng ông G không có ý kiến phản đối.

[8] Năm 2011 và năm 2013 ông T có chuyển nhượng một phần đất trong tổng diện tích đất tranh chấp cho anh Q, anh H và việc chuyển nhượng là công khai nhưng chị M và ông G không ngăn cản dù đang sử dụng đất liền kề những phần đất này.

[9] Anh H có thuê xáng cuốc đắp nền nhà; anh Q có cất nhà kiên cố trên đất và đã đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 530 tờ bản đồ 9, ông G có đến cặm ranh xác định ranh giới cho anh Q cất nhà (bút lục 121).

[10]. Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị Mai là có căn cứ.

[11] Do không chấp nhận yêu cầu của chị M nên không đặt ra giải quyết đối với các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T với ông H, anh Hiền, anh D

[12] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông G trình bày gia đình có hút đất trong ao tôm khi vét đáy ao tôm và đổ lên phần đất tranh chấp nhưng trong giai đoạn sơ thẩm chị M không đặt ra ý kiến, yêu cầu; còn ông T xác định do ông G xin cho đổ đất nhờ lên phần đất tranh chấp khi ông G hút bùn từ đáy ao tôm lên chứ không phải gia đình ông G sang lấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[13] Chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, lệ phí cấp bảng vẽ trích đo phần đất tranh chấp, lệ phí phôtô hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số tiền 700.000 đồng ông Nguyễn Văn G đã nộp xong.

[14] Do diện tích đất tranh chấp nằm ngoài hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị M với ông T và yêu cầu đòi đất của chị M không được chấp nhận nên chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, cụ thể: Giá trị phần đất tranh chấp là 972.000.000 đồng án phí là: 36.000.000 đồng + (172.000.000 đồng x 3%) = 41.160.000 đồng.

[15] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

[16] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 166 Bộ luật Dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/PL UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc M; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2017/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc M đối với ông Phạm Văn T đòi 2.329,9m^2 đất tại ấp C, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu có vị trí cụ thể như sau.

Hướng Đông giáp đất Phạm Văn T số đo cạnh dài 47m;
Hướng Tây giáp đất Nguyễn Văn S số đo cạnh dài 48,6m;
Hướng Nam giáp sông G số đo cạnh dài 48,6m;
Hướng Bắc giáp lộ A – Đ số đo cạnh dài 48,6m.

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, lệ phí cấp bảng vẽ trích đo phần đất tranh chấp, lệ phí phôtô hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số tiền 700.000 đồng chị Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu, ông Nguyễn Văn G là người đại diện theo ủy quyền đã nộp xong.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu 41.160.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Ngọc M đã nộp tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng theo biên lai thu số 0000744 ngày 11/01/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí. Chị Nguyễn Thị Ngọc M còn phải nộp 40.960.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 200.000 đồng theo biên lai thu số 0006327 ngày 23/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Chị M còn phải nộp 100.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND huyện ĐH (01 bản);
- CCTHADS huyện ĐH (01 bản);
- Các đương sự (27 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Túy Giang